

TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

QUYỂN 9 (Phần 2)

PHẨM NHƯ LAI THỨ HAI MƯỜI HAI

Quán hạnh của Đại thừa, gồm có hai môn:

1) Hai mươi một phẩm tìm “người”, “pháp” của thế gian không thể được, là nói quán hạnh của Đại thừa.

2) Dưới đây là bốn phẩm tìm “người”, “pháp” của xuất thế không thể được, là nói quán hạnh của Đại thừa, “người”, “pháp” của thế gian, thô, dễ quán, nên nói trước. “người”, “pháp” xuất thế nhiệm mầu khó phá, vì thế, sẽ nói sau.

Lại, trên đây, người ngoài nêu thế gian để bào chữa nghĩa thế gian nghĩa đã không lập. Nay, một chương này nêu xuất thế gian để bào chữa thế gian. Đã có xuất thế, tức là có thế gian. Nên tiếp theo, luận chủ sẽ phá xuất thế. Đã không có “xuất thế”, thì đâu có thế gian? Lại, người học Đại, Tiểu đều nói thế gian, xuất thế gian là hai. Kinh Niết-bàn nói:” Người ngu cho rằng minh và vô minh là hai; người trí đã nhận biết rõ chúng không có hai.”

Nay, vì muốn chỉ bày thế gian, xuất thế gian không có hai tướng. Đã không có hai, cũng không có không hai; cũng hai, không hai, không phải hai, không hai, tức là nhập thật tướng, phát sinh chánh quán, thì hí luận sẽ dứt. Nên kể là quán xuất thế.

Lại, kẻ mê lầm vì thấy thế gian, xuất thế gian là hai, nên thế gian, xuất thế gian đều thành thế gian, không thể lìa thế gian. Nay, liễu đạt thế gian, xuất thế gian không có hai, mới gọi là xuất thế gian. Vì muốn cho người ngoài nhờ thế mà ngộ xuất thế, nên phá xuất thế gian.

Căn cứ một chương này, gồm có bốn phẩm:

- Phá Như lai.
- Phá điên đảo
- Phá Tứ đế
- Phá Niết-bàn.

Phá thế gian thì rộng, có đến hai mươi mốt phẩm; phá xuất thế thì hẹp, chỉ nói bốn phẩm, nghĩa là muốn nói rộng, hẹp, hiển hiện lẫn nhau. Vả lại, biểu thị rõ chấp xuất thế gian, vẫn là thế gian.

Trên, đã phá thế gian, tức là phá xuất thế xong, nên không cần phá rộng. Vả lại, thế gian là gốc của xuất thế gian. Gốc đã nghiêng ngã thì ngọn dễ phá tan, nên chỉ có bốn phẩm.

Lại, đức Như lai là bậc chí “người” xuất thế; Niết-bàn là pháp cùng cực vô thượng, là một cặp “người”, “pháp”.

Điên đảo, nghĩa là tà “hoặc” đối tượng đả phá; bốn đế là chánh giáo, chủ thể phá, là một cặp tà chánh.

Lược nói bốn môn, về lý, đều thông suốt, lại phá Như lai, tức là phá người.

Từ đây trở xuống, là ba phẩm nhằm phá pháp. Xuất thế dù nhiều, nhưng không ngoài “người”, “pháp”, thâm nhiếp chung tất cả.

Thế gian, ở trước cũng thế, không ngoài “người”, “pháp”, thâm nhiếp chung tất cả, tức được chia làm hai:

Quán một phẩm Như lai, nói “Nhân không” xuất thế.

Ba phẩm tiếp theo, là nói “pháp không” xuất thế.

Trong thế gian, ở trước, trực tiếp dùng rộng, lược chia làm hai. Nay, căn cứ “người”, “pháp” để chia. “người” chỉ 1 phẩm, “pháp” có nhiều, nghĩa là “người” thì không hai, pháp thì có nhiều môn. Lại nữa, vì “nhân không” dễ được; “pháp không” rất khó nói.

Lại, theo trình tự của bốn phẩm, nghĩa là trước có Chư Phật ra đời, nên đầu tiên, là quán Như lai:

Sở dĩ Như lai xuất hiện ở thế gian là vì muốn phá tan phiền não của chúng sinh, nên tiếp theo, là quán điên đảo.

Sở dĩ điên đảo được phá tan là do môn giáo Tứ đế, nên kế là quán Tứ đế. Dù nói bốn đế, nhưng tông chỉ đồng qui về một “Diệt”, nên sau, nói Niết-bàn. Đủ bốn môn này là bao gồm muôn nghĩa. Vả lại, Đức Như lai là người xuất thế; điên đảo là đối tượng xa lìa của Như lai; bốn đế là đối tượng quán của Như lai; Niết-bàn là đối tượng chứng đắc của Như lai, lại vừa là trình tự của một con đường.

Lại, trước phá Như lai, nghĩa là thế gian, xuất thế gian hiển bày lẫn nhau.

Trong pháp thế gian, trước phá “pháp”, sau phá “người”; trong pháp xuất thế, trước quán “người”, sau phá “pháp”.

Hai là, người ngoài nói: “Đức Như lai, chủ thể nói pháp thế gian, xuất thế gian. Đã có người, là chủ thể thuyết giảng, thì phải có pháp, là

đối tượng nói.

Ba là, gần là từ phẩm Thành, Hoại sinh ra, nghĩa là thế gian là pháp sinh diệt, có thể được nói rằng “không”; còn đức Như lai là pháp không sinh diệt, phải là “có”.

Lại trong, phá hoại giặc kiết, ngoài dẹp tan quân ma. Đã có Như lai thì có thành, hoại.

Bốn là, bài kệ cuối của phẩm trên đã nói:” Tìm ba hữu không được, người ngoài nói:” Nếu lìa ba hữu, tức là Như lai, nên phải có Phật.”

Nói Như lai: Rất là tinh yếu trong tất cả nghĩa của phẩm này. Nay, người Đại, Tiểu thừa phát chỉ thư tin Phật; niệm Phật; lễ Phật; quy y Phật; làm đệ tử Phật và cầu đạo Phật, nếu hiểu được Phật, thì tất cả sự nghĩa đều thành. Ngược lại, nếu không hiểu được Phật, không cầu Phật, thì tất cả vụ việc đều hoại, cho nên phải biết rõ về Phật.

Căn cứ Phật mà nói, “thể” “như” mà “lai”, nên nói là Như lai.

Căn cứ “người” để luận, như Chư Phật lại gọi là Như lai. Căn cứ việc hóa độ chúng sinh để nói, thì như cảm mà lại nên nói Như lai. Giải thích về Như lai không đồng:

1/ Ngoại đạo.

2/ Tiểu thừa

3/ Phương đẳng.

Ngoại đạo chấp thật có “ngã”, gọi là Như lai, nên luận rằng: ““Ngã” có các thứ danh từ: người, lìa, Như lai, v.v....”

Tiểu thừa, tóm tắt có ba thuyết:

Độc tử bộ rằng: “Năm ấm thanh tịnh, hòa hợp, có “người”, “pháp”, riêng gọi là Như lai.

Sư Luận Thành Thật nói:” Lấy giả gọi người tu hành là thể của Như lai. Hoặc nói: Cần có “thể” riêng có dụng, có danh; riêng hoặc nói “không” “thể”, “không” “dụng”; hoặc nói “không”, “thể”, có “dụng”.

A-tỳ-đàm nói hai loại Như lai:

Năm ấm hữu lậu là sinh thân Như lai.

Năm ấm vô lậu là pháp thân Phật.

Vì thế, nên Như lai đã thực hành khổ hạnh suốt ba Tăng-kỳ, tu hành nghiệp tướng tốt rỗng rã trăm kiếp. Về sau, tu ba mươi bốn tâm, được thành Phật. Lúc còn ở tâm vô lậu, không bị “duyên” ràng buộc, khi xuất ly hữu lậu, thì bị buộc ràng bởi “duyên”.

Sư Đại thừa Luận Thành Thật, lập ra năm thời giáo của Phật:

Giáo ban đầu, dùng thân năm ấm thành Phật.

Thời giáo thứ hai, dùng chủng trí làm Phật, đồng với sơ giáo của Phật, hưởng thọ tám mươi tuổi. Chiêu-Đề nói: "Thời giáo thứ hai là đặc tôn."

Thời giáo thứ ba, Như lai tu hành trong vô lượng kiếp.

Thời giáo thứ tư, cũng tu hành lâu dài trong nhiều kiếp quá khứ, đã quá số kiếp vi trần, ở vị lai, còn gấp bội số trên.

Thời giáo thứ năm, là nói Phật thường trụ, Phật không có sắc, chỉ có một viên trí, có dùng điều ngự chung, gọi là Phật. Nếu muốn độ chúng sinh thì ứng thân tạo ra sắc, chỉ giải thích về thời giáo thứ năm, gồm có bốn sự:

Rằng: "Thể của Như lai là thuộc về thế đế. "

Giải thích: "Đã nói rằng Như lai, tức là chân như, là Phật, nên kinh Đại Phẩm nói: "Như không có đến, đi, như tức là Phật. " "

Tiếp theo, Sư Trí Độ luận ở cõi nước phương Bắc nói: "Phật có ba thân:

Pháp thân Phật, tức là chân như, thể của chân như không phải Phật, do vì năng sinh ra Phật, nên gọi là Phật. Như thật tướng không phải Ba-nhã, vì năng sinh ra Ba-nhã, nên gọi Ba-nhã.

Vì hai thân Báo, Hoá là thuộc về thế đế, nên dù có thuộc về ba thân, nhưng chỉ hai đế.

Rằng: "Linh trí của quả Phật không phải thuộc về hai đế, vì thể không phải hư giả, nên không phải thế đế, chẳng thể "tức" "không", lại khác với "không" của chân, cho nên, Pháp thân vượt lên hai đế."

"Bất chân tông" của Địa luận không khác Số luận. Chân tông nói về ba Phật. Vì lấy không trụ đạo làm nhân, nên có Hoá Phật một trạng sáu; vì dùng trợ đạo làm nhân, công hạnh của thập địa đã viên mãn, được báo thân Phật; lấy chúng đạo làm nhân, được Pháp thân Phật.

Nay, tìm Như lai này đều không thể được, nên gọi là: "Phẩm Quán Như lai."

* Hỏi: "Nếu phá đủ tất cả Phật, thì lẽ ra sẽ không có Phật?"

* Đáp: "Người ngoài chấp Phật, là vì họ đứng trên bốn quan điểm nên là phá Phật. Nay, phá Phật của bốn quan điểm như thế, tức là chấm dứt hí luận của chúng sinh, thì chính là đã biết Phật.

Lại, người Đại, Tiểu thừa dù còn chấp khác không đồng, nhưng chung qui đều nói "có" Phật, nên Tịnh Danh mới quả Thiện Cát rằng: "Nếu Tu Bồ-đề không thấy Phật, không nghe pháp, mới xứng đáng nhận lấy thức ăn." Đây là chứng minh Thiện Cát vì còn có Phật để thấy; có pháp để nghe, gọi là có sở đắc, nên không xứng đáng thọ nhận thức ăn.

Nếu không có Phật để thấy, thì sẽ thấy Phật. Không có pháp để nghe, mới là nghe pháp, xứng đáng thọ nhận thức ăn.

Lại nữa, người có sở đắc, cho rằng, Phật là chánh kiến; còn ngoại đạo là tà kiến, nên khởi lên hai kiến chấp tà, chánh. Vì thế, nên Tịnh Danh quả rằng:

“Sáu vị giáo chủ ngoại đạo là thầy của ông, mới xứng đáng thọ nhận thức ăn.” Đây là nói nếu thấy tà, chánh là hai, thì bảy Đức Phật sẽ trở thành sáu vị giáo chủ ngoại đạo, không thể thọ nhận thức ăn. Nếu quan niệm tà, chánh không hai, thì thể ngộ được sáu vị giáo chủ ngoại đạo tức là bảy Phật.

Nay, trong phẩm này, chính là nói chúng sinh và Phật không có hai tướng, nên kệ dưới nói rằng:

*“Tánh sở hữu Như lai,
Tức là tánh thế gian.
Nếu hiểu được như thế,
Thì mới là hiểu Phật.”*

Lại nữa, luận phá mười bốn loại hạng Phật. Nghĩa là bốn quan điểm “không”, “hữu”:

Chấp Phật là “hữu” của thế đế.

Chấp Phật là “không” của chân đế.

Chấp Phật đủ là thuộc về hai đế.

Chấp Phật chẳng phải “không”, “hữu”, vượt ngoài hai đế.

Bốn quan điểm tiếp theo là:

Tiểu thừa chấp Phật “vô thường”;

Đại thừa chấp Phật là “thường”;

Ba thân hợp luận, đủ thường, vô thường

Chấp Trung đạo là Phật, không phải thường, vô thường

Tiếp theo, bốn quan điểm chấp tuổi thọ của Phật:

Tiểu thừa chấp tuổi thọ của Phật cùng tận một thời kỳ là hữu biên.

Đại thừa chấp tuổi thọ của Phật thường là vô biên.

Căn cứ ở ba thân vừa biên, vừa vô biên.

Căn cứ Trung đạo, không phải biên, vô biên.

Đó là mười hai hạng Phật.

Luận chủ đã phá đủ mười hai loại Phật rồi. Người ngoài cho là đều “không” Phật, là mười ba. Luận chủ lại phá đều không có Phật, mà sau cùng, nói là “có” Phật, không thể nói, là mười bốn. Luận này phá mười bốn tà Phật, trình bày chánh Phật, nên gọi là phẩm Quán Như lai.”

Hỏi: "Vì sao mười bốn loại Phật bị phá?"

Đáp: "Vì ba nghĩa nên bị phá:

1/ Vì lẽ mười bốn tà Phật kia hỗ tương thị, phi, nên tự phá.

2/ Phật không phải bốn quan điểm; bốn quan điểm không phải Phật, vì chấp không phải Phật là Phật, nên bị phá.

Phật có "thể", có "dụng"; dụng thì thích ứng hóa độ vô cùng. Bốn quan điểm này tùy vật thể thì bốn không phải bốn. Người ngoài vì không biết dụng, nên đối với dụng đều chấp một bên, cho nên bị phá.

Lại, khác với ba luận sư rằng: "Phá Như lai trong đây, có hai giải thích:

1/ Chỉ dứt tâm chấp mắc, thật ra không phá Phật."

2/ Dù rằng phá Phật, nhưng chỉ phá Phật của Tiểu thừa, ngoại đạo mà thôi.

Nay, nói không đúng:

"Nếu chỉ phá tâm chấp mắc mà gọi là phá Phật, thì người ngoài kia sau cùng nói là "có" Phật, chỉ không thừa nhận sự chấp mắc thôi.

Tìm xét bốn quan điểm của phẩm này tà chấp nghĩa của Như lai, đây đều là yêu cầu rất cần thiết, cấp trầm. Nay, người học vì không Tác ý Tư lương u huyền (sâu kín), nên không tin. Nếu với tâm tế nhị, tìm đọc, vì hướng về tâm, nên hiểu rõ ràng, sâu sắc, có lợi ích.

Sở dĩ quán Như lai, là vì người học Đại, Tiểu thừa cho là có Phật, người gặp Phật, nói là đã thấy Phật, sau Phật nhập diệt, cho là không thấy Phật. cho rằng, Phật là người chánh kiến; còn ngoại đạo là người tà kiến, tạo nên phân biệt như thế, đều không biết Phật.

Nay, phẩm này khuyên chúng ta hãy khéo quan sát : người nào là Phật? người nào không phải Phật? Con người của thời đại hiện nay, đều nói rằng: "Ta là đệ tử Phật, sau khi thờ Phật, giáo hóa người, nếu không biết rõ về Phật, không là Phật, quyết định là Phật, ai là đệ tử? và nhất định thờ phụng ai? Vì nghĩa này, nên cần có phẩm này, khiến người học Đại, Tiểu thừa, thật hiểu về pháp tướng, khéo thông suốt vấn nạn.

Lại hỏi sáu thời lễ Phật, nếu là lễ thì thương không yên tâm ở chỗ này. Phần lớn được chia làm hai:

1) Hỏi. 2) Đáp.

Đầu tiên, Văn xuôi lập rằng: "Phật, là đáng tôn quý trong chín đường, nên gọi Thế Tôn, tự tại đối với pháp, gọi là Pháp vương; biết tất cả pháp, gọi là nhất thiết trí."

Câu đầu, nói về người. Câu kế nói về cảnh; câu tiếp theo, nói về "có".

“Nếu nói “có” Phật, thì sẽ “có” thế gian; nếu nói “không” Phật, thì sẽ rơi vào tà kiến.”

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là đầu tiên, là Văn xuôi, sinh khởi chung ý phá.

“Nếu “có” Phật, thì nên nhận lấy, luận chủ không đáp rằng “có” hay “không” Phật, bởi nếu đáp “có”, “không” thì bị người ngoài khuấy phức. Lại, Phật chẳng phải “có”, “không”. Nếu đáp “có”, “không”, thì tức là phá Phật, chỉ hỏi, tìm kiếm lời nói của người ngoài, rằng “có”:” Ông đã nói “có” Phật tôi thừa nhận rằng ông đã chấp Phật, tìm cái “có” của ông không thể được, vậy ông đã chấp gì ư?”

Căn cứ bản kệ, chia làm năm chương:

Phá “hữu” là Phật.

Hỏi:” Ông cho rằng, thọ “không”; người thọ cũng “không” ... trở xuống, là tiếp theo, phá “không” là Phật.

“Nếu phá Như lai như thế v.v... trở xuống, là chương thứ ba, lý do lựa chọn “không”, “hữu”, đều sai quấy.

“Như lai vượt ngoài hí luận v.v... trở xuống, là chương thứ tư, quở trách người ngoài.

Văn xuôi ở sau chép rằng:” Đây là trong phẩm Như lai v.v... trở xuống, là chương thứ năm, là lược bày tướng Phật.

Sở dĩ có năm chương này là vì người Đại, Tiểu thừa đều nói là “có” Phật, nên trước hết là phá “có”.

“Nếu chấp “hữu” là Phật, thì tức là chấp “có”, đâu gọi là Phật ư? Vả lại, tìm “hữu” không thể được, thì lấy gì làm Phật?” Người ngoài đã nghe nói “hữu” không phải Phật, bèn cho là “không” lẽ ra là Phật, nên tiếp theo, phá “không”:

“Nếu chấp “không” là Phật, thì đó là chấp “không”, đâu gọi là Phật? lại, tìm “không” chẳng được, thì lấy gì làm Phật?”

Người ngoài nói:” Nếu “không”, “hữu” đều chẳng phải Phật thì lẽ ra đều không có Phật. Nếu không như vậy, thì sau lẽ ra cũng có Phật.

Cho nên, phần thứ ba, là phân biệt nói:” Nếu nói không có Phật thì là tà kiến thô; nếu nói sau cùng có Phật, là tà kiến vi tế.

Trên đây, vì phá bệnh đã xong, nên kế là quở trách:

“Thật ra, Phật chẳng phải “không”, “hữu”. Nếu chấp “không”, “hữu” là Phật, thì là hí luận, phá bỏ tuệ nhãn, không thể thấy Phật.

Ba môn phá bệnh, một môn quở trách. Vì phá tà đã tròn vẹn, nên chương thứ năm, lược bày tướng Phật.

Người muốn hiểu Phật, thì đó là thế gian.

Phần đầu lại được chia làm ba:

Phá “người” là Phật.

“Năm ấm được thọ nhận v.v... trở xuống, là phá “pháp” là Phật.

“Vì nghĩa như thế, cho nên ... trở xuống, là phần thứ ba, tổng kết “người”, “pháp”: “người”, “pháp” đều “không”, quở người ngoài nhận làm cho là “người”, “pháp”.

Cho nên đầu tiên, là phá “người”, tiếp theo, là phá “pháp” vì có hai nghĩa:

Vì Phật là tên người, nên phá trước: Người phá “người” đã xong.

Vì chấp pháp là Phật, nên tiếp theo, phá pháp.

Trình tự khó, dễ của hai sinh không, pháp không. Vì “sinh không” dễ được, nên phá “người” trước; vì “pháp không” khó chứng được, nên phá pháp sau.

Trong phần phá “người” được chia làm bốn môn:

Nói môn Phật và ấm không phải “một”, không phải khác.

Hỏi:” Nghĩa như thế v.v... trở xuống, là môn Phật với ấm không tự, không tha.

“Nếu không nhân năm ấm v.v... trở xuống, là môn Phật và ấm không phải trước, không phải sau.

“Nếu đối với “một”, “khác” ... trở xuống, là tổng kết Phật không thể được.

Bốn môn này có thể được phá chung các chấp của Đại, Tiểu thừa trong, ngoài.

Căn cứ phần riêng mà nói, trước là phá Phật của ngoại đạo; tiếp theo, là phá Phật của Tiểu thừa, thứ ba, là phá Phật của Đại thừa. Từ ngoài đến trong, trước Tiểu, sau Đại, tức theo thứ lớp từ cạn đến sâu.

Đã phá ba chấp này là dứt trừ chung các chấp, nên về sau là tổng kết.

Kệ đầu có năm lượt tìm, phá, phá chung Đại, Tiểu trong, ngoài, chính là theo trình tự văn, nhằm phá ngoại đạo.”

Hỏi:” Nay mới phá Phật, sao ông vừa mới nói là đã năm lần tìm phá ư?”

Đáp:” Đối với người ngoài, Văn xuôi lập nghĩa:” Phật là bậc Nhất thiết trí, chấp Phật là “ngã”, đây cũng là “ngã kiến”. Phẩm trên, đã phải năm lần tìm “ngã” không thể được. Nay, lại năm lượt tìm tòi Phật.

Lại, người ngoài đầu tiên, lập Phật là “ngã”, lại là “có”, bèn nêu ra “có”, “không” để vấn nạn luận chủ:” Nếu nói “có” Phật thì đồng nghĩa của tôi; nếu nói “không” Phật thì rơi vào tà kiến. “

Để tránh “có”, “không” của họ, luận chủ tóm lấy được hai nghĩa của họ:

1/ Nắm được là nói thật “có”.

2/ Nắm được nói Phật là con người.

“Ông tức nói Phật là người, vì là “một”, “khác” với ấm, nên tôi phải căn cứ môn năm câu để phá. Hơn nữa, vì muốn trình bày kinh, kinh Lăng già có phẩm Pháp Thân. Phát ra chỉ thú, tức là nói pháp thân Như lai với năm ấm, không thể luận là “một”, “khác”.

Bài kệ nay, có thể có hai nghĩa:

Năm lượt tìm phá tà Phật.

Nói Pháp thân của Như lai không phải là năm quan điểm này, tức trình bày chánh Phật.

Nếu phá nghĩa Phật pháp, nghĩa là nếu Phật và ấm là “một”, thì “bản tích” (dấu vết xưa) lẽ ra là “một”, không thấy dấu vết, lẽ ra phải thấy gốc, bản tích lẽ ra cũng đều là “thường”, đều là vô thường. Nếu có thường, vô thường thì tức là không “một”. Nếu lia ấm có Phật, thì “người”, “pháp” đều là không thành nhau, bản tích cũng vậy.

Trong Như lai có ấm, nghĩa là nói Như lai thì lớn, ấm thân thì nhỏ, như Pháp thân thì lớn, Ứng thân thì nhỏ (các pháp khác đều dễ hiểu.

Văn xuôi chia làm năm:

Nhắc lại văn đầu, là đúng.

“Vì năm ấm ... trở xuống, là phần thứ hai, quyết định.

“Vụ việc này không đúng ... trở xuống, là phần thứ ba, là sai.

“Năm ấm không phải Như lai v.v.... trở xuống, là phần thứ tư phá, tức là năm phần khác nhau.

Căn cứ văn phần đầu có ba: Nêu giải thích; kết.

Nêu.

“Vì sao ... trở xuống, là giải thích.

Trong phần giải thích, “tức” ấm có hai lỗi:

1) Ấm đã sinh diệt, Phật cũng sinh diệt. Đã là vô thường, sinh diệt, thì ai gìn giữ công đức, trí tuệ ư? Lại, niệm niệm sinh diệt, năm thứ mắt không thể thấy; Ba đạt không thể biết. Như phẩm năm ấm nói: “Nếu là vô thường, thì các tướng như mắt, tai, v.v... không thể phân biệt.

“Lại, người thọ nhận v.v.... trở xuống, tiếp theo, là lỗi rối loạn giữa “người”, “pháp”: Đã là “người”, “pháp” thì hễ gọi “người”, lẽ ra phải được “pháp”; gọi “pháp”, lẽ ra được “người”, nên là rối loạn.

“Cho nên, ... trở xuống, thứ ba là kết.

Giải thích câu thứ hai, cũng có ba: Nêu, giải thích, kết.

Trong phần giải thích có hai:

Nói Phật có lỗi “thường”: Nghĩa là người Tiểu thừa cho rằng:” Vì Phật là giả gọi người tu hành, cho nên vô thường. Nay, nói Phật là thường, cho nên có lỗi.

Lại nữa, giả sử nói Phật là thường trụ, lấy hiện nay để so sánh với Phật, cũng là lỗi, vì thường là một bên; vô thường là một bên, chính là chúng sinh biểu kiến, đâu gọi là Phật?

Lại nữa, các căn như nhãn v.v... không thể thấy biết: Nếu Phật là thường thì đồng với hư không. Kinh Niết-bàn nói:” Pháp thường không có biết.” Như lai có biết, cho nên không phải thường. Trước đã nói Phật thường, tức rơi vào biểu kiến. Nay, nói Phật không có biết, là rơi vào lỗi vô minh. Nếu cho rằng Phật thường thì không thể thấy biết, bởi thường thì không phải sắc, không phải tâm, vì chẳng phải tâm nên không thể biết; vì không phải sắc, nên mắt không thể thấy. Phật đã là thường, thường thì bất động không thể dùng các căn như mắt v.v... để thấy, biết.

Mỗi câu trong ba câu ở dưới đều có: Nêu giải thích, kết.

Trong phần giải thích, vì đều dùng “khác” nên có lỗi thường v.v....

“Năm thứ như thế v.v.... trở xuống, là phần thứ năm, tổng kết, tức là giải thích câu thứ tư của bài kệ.

“Hỏi rằng:... trở xuống phần thứ hai, môn không tự không tha, phá năm ấm hòa hợp mà có Như lai, tức là phá chấp “người” là Như lai của Tiểu thừa. Trước hỏi, tiếp theo đáp. Hỏi có hai ý:

Lãnh hội trước:

“Mà năm ấm hòa hợp ... trở xuống, là phần thứ hai, lập cái “có”, tức là Độc tử chấp năm ấm hòa hợp có “ngã”, “pháp” riêng; bốn đại hòa hợp, có pháp nhãn riêng, nhưng Như lai ở đại thứ năm, không thể nói trong tạng. Năm tạng, nghĩa là ba đời và vô vi, đều không thể nói. Vì thế, nên không thọ nhận phá năm câu ở trên. Lại là nghĩa của hai sự giả có thể dụng v.v... của Luận Thành Thật.

Phần đáp có ba kệ, được chia làm ba:

Nửa kệ đầu, phá mình; hai kệ tiếp theo, là phá người. Nửa bài kệ sau là kết cả hai, phá mình, người.

Câu đầu, nhắc lại Độc tử và nhà giả có thể, dụng; câu tiếp theo, là chính phá:

“Đã nói giả ấm mà “có”, thì “không” tự thể, nếu có tự thể thì đâu cần giả ấm? Lại hỏi:”Trong năm ấm vốn “có” Như lai, nên là giả ấm ư?”

Hay vì vốn “không” giả ấm của Phật hòa hợp mà có ư? – Nếu “vốn có” Phật thì đâu cần nhờ ấm? Nếu vốn “không” Phật thì cho dù có nhờ ấm, thì sau cùng vẫn “không” Phật.—Nếu vốn “không” Phật, nhờ ấm mà có, thì cũng không có chẳng phải Phật, đâu không là ấm hòa hợp sinh chẳng phải Phật ư? Lại, trong ấm “không” Phật, “chẳng phải ấm” cũng “không”, nếu vậy thì ấm và “chẳng phải ấm” lẽ ra đều thành Phật, lẽ ra đều không thành. Nếu ấm thành Phật, phi ấm không thành Phật, thì lẽ ra cũng phi ấm thành Phật, mà ấm không thành.

Nửa kệ dưới, là chương thứ hai, hợp với hai kệ, để phá người.

Sở dĩ cần hai kệ, là vì đã nói “năm ấm hòa hợp có Như lai”, tất nhiên là Độc tử và nhà có giả thể, luận Câu-xá nêu ra nghĩa của Độc tử: Có “thể” của người mà nhân năm ấm, như có thể của lửa, mà nhân ở củi. Đây tức là vì nhân nghĩa của người nên phải phá rộng người.

Hai kệ được chia làm ba:

Nửa kệ đầu, là đoạt phá.

Một kệ tiếp theo, là giả sử phá.

Nửa kệ, là phá đối đãi nhau.

Đầu tiên, là đoạt phá. Nghĩa là đoạt người khác. “Người” đã không có tự tánh, thì ấm của người cũng không có tự tánh, không có tự tánh thì không có người, mà Phật thì nhân cái gì ư?

Hai là, vì đối đãi với tự của Phật, nên có cái khác của ấm. Đã không có tự ấm của Phật, thì ấm là cái khác của ai? Nên cũng “không” cái khác, cũng như không có người khác, há được nhân người khác mà sinh ư?

Kệ thứ hai, phá dọc (giả sử phá) được chia làm hai:

Nửa kệ trên, là chính phá.

Nửa kệ dưới, là kết phá.

Câu đầu, giả sử nhân cái khác, như Độc tử v.v... nói: “Nhân ấm có người, nhân củi có lửa.”

Câu thứ hai, là chính thức phá:

“Đã nhân cái khác, thì không có tự thể của con người, đã không có tự thể của người, nên gọi là vô “ngã”.

Nửa kệ dưới, là kết, phá.

Không có Phật, nghĩa là vì giải thích nghi mà có: Phẩm này phá Như lai, sao lại phá “ngã”? Vì thế, nên nay nói: “Ngã” là tên khác của Như lai. Đã không có “ngã”, tức không có Như lai, nên thường nói rằng: “Dùng dụng Điều ngự để giải thích. “Người” thì phàm, thánh đều “có”; lấy nghĩa lòng nhân để giải thích người, thì chỉ có đường người.

Lại nữa, vì muốn trình bày người ngoài chấp “ngã” là Như lai, cũng là kiến chấp ngã.

Nửa trên của kệ thứ ba, vì dựa vào “không” mình ở trước, nên “không” người.

Nửa kệ dưới, là chương thứ ba, tổng kết, vì không có mình, người nên không có Như lai.

“Nếu không nhân năm ấm v.v... trở xuống, là môn thứ ba, phá trước, sau, tức là phá chấp “người” là Phật của Đại thừa.

Ba bài kệ được chia làm hai:

Hai bài kệ đầu, phá không được trước người, sau ấm, cho nên có người.

Một bài kệ thứ hai, phá không được trước ấm, sau người, cho nên có người.

Phần đầu, lại có hai:

Kệ trước, chia ra theo chiều dọc.

Kệ tiếp theo, là đoạt phá.

Nửa bài kệ trên: Là dù chưa cảm thọ năm ấm nhưng trước đã có Như lai, việc này có thể có ba nghĩa:

Năm ấm thành người; người chế ngự năm ấm, người và năm ấm không được trước sau.

Nửa trên của bài kệ đầu, là nói: dù xưa kia, pháp thân Phật chưa thọ năm ấm, nhưng trước đó đã có bản thân Như lai.

Nửa kệ dưới, là nói: Giả sử hiện nay vì thọ nhận năm ấm, nên gọi là dấu vết của thân Như lai.

* Hỏi: “Đây là nghĩa gì?”

* Đáp: “Phẩm bản trụ nói chưa thọ nhận các căn, thì trước đã có bản trụ, về sau mới thọ các căn, đây là nghĩa của ngoại đạo.

Từ hai môn trên, căn cứ trực tiếp trong ấm, nhằm tìm Như lai giả, thật không thể được. Nay, vì muốn nghiên cứu cùng tận căn bản của ấm đó, nên dựa vào trước, sau để trách cứ.

Hai là, người Tiểu thừa cho rằng, trước đã có người tu hành viên mãn, về sau, thọ thân tướng tốt và vì thọ nhận pháp thân năm ấm, nên gọi là Phật.

Ba là, người Đại thừa nói: “Khi Phật chưa thọ nhận năm ấm của vương cung, vua trước đó đã có pháp thân của bản địa. Pháp thân, tức là thân của “ngã”, sau đó, vì dùng bản thù tích nên Như lai mới thọ nhận thân năm ấm của cung vua, vì thế, nên nửa kệ trên này nhắc lại “bản”; nửa kệ dưới nhắc lại tích.

“Nay, thật ra không thọ nhận ấm ... trở xuống, là kệ thứ hai, đoạt phá, phá cả nghĩa của ba nhà.

Phá nghĩa ban đầu: Nửa kệ trên, là đoạt lại nửa trên của kệ trước. Nay, nghĩa là bản thân hiện nay, nói lúc bản thân chưa thọ nhận ấm, thì không có Như lai. Vì sao? – Vì hợp năm ấm, nên gọi là Như lai. Như chưa có ngón tay, thì trước đó không có nắm tay.

Nửa kệ dưới là đoạt nửa kệ dưới: Xưa không thọ nhận năm ấm, đã không có Như lai, thì nay, đem vật gì để thọ nhận năm ấm, nên nói rằng:” Nếu vì chẳng thọ nhận “không”, thì nay phải làm sao có.”

Môn thứ hai, phá nghĩa của Tiểu thừa: Lúc ở phàm, chưa thọ năm ấm, đã không có Như lai, nay, đem vật gì để thọ nhận năm ấm mẫu nhiệm và năm phần thân ư?

Môn thứ ba, phá nghĩa của Đại thừa: Vì đối đãi với tích, nên gọi là bản. Lúc chưa thù tích thì không có tích để đối đãi, làm sao có bản? Đã không có “bản” thì lấy gì để thọ năm ấm của vương cung, gọi là “tích ư?” Đây chính là quả người Đại thừa, nhằm nói lấy bản để rử “tích”, nên Luận Sư Tăng Triệu nói:” dù Bản tích tùy khác, nhưng không nghĩ bản là một. Bản tích đều đã không nghĩa bản, nên biết không phải nhất định có trước.

“Nếu người Đại, Tiểu thừa kia chưa có thọ ... trở xuống, là chương thứ hai, phá “pháp” trước, “người” sau, mà có nghĩa “người”.

* Hỏi:” Đây là nghĩa gì?”

* Đáp:”Người Đại, Tiểu thừa của Phật pháp nói:” Chủ yếu là do năm ấm hòa hợp, mới có người nên “pháp” ở trước, “người” ở sau”. Phá rằng:

“Người” là chủ thể thọ, “pháp” là đối tượng thọ nhận. Nếu chưa có “người”, là chủ thể thọ nhận, thì không được có “pháp”, là đối tượng thọ nhận.”

Hai kệ trước, là mượn “pháp” để phá “người”, nay, mượn “người” để phá “pháp”.

Không có “pháp” “không thọ”, pháp: là dựa vào “đối tượng thọ nhận” ở trên, không gọi vẫn thọ nhận sinh ra. “Đối tượng thọ” đã không gọi thọ, tức là không có năm ấm của “đối tượng thọ nhận”. Đã “không” năm ấm của “đối tượng thọ”, lại “không” “người”, là chủ thể thọ, không có chủ thể thọ, đối tượng thọ, thử hỏi lấy gì làm Như lai ư? Vì thế, nên không có “người”, “không thọ pháp” mà gọi là Như lai.

Lại nữa, thêm một ý: Trước đã không có pháp thọ ấm nên sau này sẽ không có Như lai.

“Nếu ở trong “một” “khác”.” Đây là môn thứ tư, tổng kết, phá:
Trên đây, là phá “người” đã xong, nên phải tổng kết.

Trong “một”, “khác” tìm không được, trước kết môn tự tha thứ hai ở trên:

“Tự có thể của Phật là “khác”; nhân người khác có là “một”. Đã năm lượt tìm kiếm “một”, “khác” không được, bèn kết môn năm câu thứ nhất.

“Thế nào là trong thọ có kết môn trước sau thứ ba?— Vì trên, đã có ba môn phá, nên nay lại kết ba. Lại, văn này phát sinh theo găn, nghĩa là giải thích thành trước, sau. Hễ luận trước, sau, không ngoài “một”, “khác”, và cả năm thứ. Tìm “một”, “khác”, năm thứ đã “không” thì đâu được nói là trong năm ấm có Như lai ư?”

“Lại nữa, năm ấm “đối tượng thọ” ... trở xuống, là trên đây, đã phá “người” là phá Như lai rồi. Nay, môn thứ hai kế là phá “pháp” là Như lai, nhưng văn này có găn, xa. Xa, nghĩa là bốn môn trên đã mượn “pháp” phá “người” xong. Nay, tiếp theo, sẽ mượn “người” để phá “pháp”, tức là phá nhà giả không có thể dụng và người Số luận cho rằng năm ấm hữu lậu là sinh thân Như lai, năm ấm vô lậu là pháp thân của Như lai.

Tiếp theo, có găn, nghĩa là năm bài kệ trong đây liên quan với nhau, nay nêu lại:

Hai kệ đầu, là nói không có “người”, là chủ thể thọ; một bài kệ tiếp theo, nói về “đối tượng thọ” không phải thọ; một bài kệ tiếp theo, lại nêu “một”, “khác” và năm câu, trách lại “không” “người” trong thọ; một bài kệ sau, dùng môn tự, tha nhằm kiểm tra lại “không” pháp của “đối tượng thọ”.

Vì năm kệ liên hệ khít khao với nhau như trên, nên Thanh Mục chỉ chọn một chỗ để giải thích. Hầu hết các giảng sư, luận sư vì không am hiểu tường tận ý của Thanh Mục nên đã áp dụng các thuyết khác.

Căn cứ kệ, chia làm hai:

Nửa kệ trên, nói không có tự tánh.

Nửa kệ dưới, là nói không có tha tánh. Tự tánh, tha tánh trong đây có thể có hai nghĩa:

Dùng “pháp” đối tượng thọ làm tự tánh; “người”, chủ thể thọ làm tha tánh, nói năm ấm không được tự “có”, cũng không do người mà “có”.

Căn cứ pháp năm ấm, tự luận về mình, người.

“Vì nghĩa như thế, cho nên v.v... trở xuống, là phần thứ ba, kết phá

“người”, “pháp”:

Nửa bài kệ trên, là kết “không”; nửa bài kệ dưới, là quả “hữu”. Vì nghĩa như thế, nên kết ba môn trên, nghĩa là ba nghĩa: “Không phải một”, không phải khác; không phải tự, không phải tha và không trước, không sau, đã tìm “người”, “pháp” không được.

Lại, trên đã tìm ba thứ “người”, “pháp”:

- Ngoại đạo.
- Tiểu thừa
- Đại thừa

Đều không thể được

Nửa bài kệ dưới, là quả “hữu”.:” Sao ông lấy “không” làm thọ?, dùng “không” làm Như lai?”

“Hỏi rằng:” v.v.... trở xuống, là kệ của chương thứ hai, phá bốn quan điểm như “không” v.v... là Như lai. Trước hỏi, tiếp theo, là đáp. Phần hỏi có ba ý:

Trên, chấp Như lai là “có”. Nghe Luận chủ tìm “có” không được, người ngoài bên chuyển sang chấp “không” là Như lai, cho nên do “hữu” mà khởi chấp “không”.

Các người Đại, Tiểu thừa đều chấp “Phật” là “có”. Nay, nghiêng về người Đại thừa chấp “không” là Phật. Như Thiền Sư Thượng ở Giang Nam đến cõi nước phương Bắc giảng luận Trí Độ, dùng chân như làm Phật.”

Người ngoài chấp “có” là Phật, nghe Long Thọ ở trên phá “người”, “pháp” đều là không trên, rồi cho rằng, Long Thọ đã dùng “không” làm Phật.”

Hai kệ trong phần đáp:

Kệ đầu, phá bốn quan điểm “không” v.v... là Phật.

Kệ thứ hai, phá tám quan điểm như bên thường v.v... là Phật.

Ba câu đầu, phá nghĩa Phật của bốn nhà. Đã thuật lại như ở đầu phẩm, nên các thuyết trong đây đều nói rằng:” “Không thể nói” gồm có hai nghĩa:

Không có bốn quan điểm này thì có gì để nói ư?

Bốn quan điểm này là các kiến hí luận. Không thể nói là dùng các kiến hí luận cho là Phật được. Theo nghĩa của Khai Thiện, thì Đức Phật đã hội đủ hai quan điểm “không”. “hữu”. Người ngoài nói:” Tâm sau Kim cương vừa thâm kín, vừa hội nhập, rất đồng với pháp tánh, như Chân như v.v....” Nay hỏi:” Đã đồng với Chân như thì làm sao Ứng Chiếu?”

* Đáp: “Chí cực mất, càng thêm tồn tại. Nghĩa chí cực mất thì thâm kín, nên gọi là “không”; nghĩa tồn tại thêm, tức là “hữu”. Ứng, Chiếu, gọi đó là “hữu”. Nay hỏi:

“Cuối cùng mất và chân lý là “một” có phải chăng?”

Đáp: “Lẽ dĩ nhiên là “một”.”

Hỏi: “Lúc càng thêm tồn tại, có phải là chân lý càng thêm tồn tại hay không?”

Đáp: “Chân lý thì không thể càng thêm tồn tại, mà trí thì có thể càng thêm tồn tại, tức là trí khác với chân như, làm sao đồng với chân như ư? Hơn nữa, lúc càng tồn tại, không phải lại là chân nữa, tức ra ngoài chân. – Nếu càng tồn tại với chân là “một”, thì chân cũng càng tồn tại thêm.”

Chỉ vì giả gọi mà nói: ở trên, đã nói bốn quan điểm không thể nói. Nay, vì giải thích về nổi nghi ngờ trong kinh sở dĩ nói “có” Phật, là vì trong không có sinh tướng này, giả gọi tướng để nói, như Niết-bàn không có danh, gượng gọi là tướng để nói, Niết-bàn là tên khác của Phật.

Lại, bốn quan điểm trong đây không thể nói; một quan điểm có thể nói. Như sáu quan điểm không thể nói như sinh sinh v.v... của kinh Niết-bàn; quan điểm thứ bảy vì có nhân duyên, nên cũng được nói lẫn nhau. Vì dùng mười pháp làm tác nhân cho sinh, nên có thể nói.”

Văn xuôi nói: “Chỉ vì phá sự mâu thuẫn, nên dùng giả gọi để nói, nghĩa là vì giải thích nghi ngờ nên mới nói.”

“Nếu nói bốn quan điểm trong đây đều không thể nói, thì vì sao trước kia nói:” Vì nghĩa như cho nên người thọ, “không”, thọ chẳng nói là “không” ư? Vì cho nên giải thích rằng:” Vì “không” trái với “hữu”, nên được mượn “không” để phá “hữu”, há có “không” này ư? Vì nếu “có” “không” này, thì sẽ rơi vào các vấn nạn, giải thích này là ý chánh.

Lại giải thích:” Bốn quan điểm này tự trái nhau. Như nghĩa “hữu” và “không” mâu thuẫn nhau, cho đến chấp “vừa có”, “vừa không” thứ ba, trái với “chẳng phải không”, “chẳng phải hữu” thứ tư, mà đã trái nhau, thì là các kiến chấp.

Nay, vì phá bốn thứ trái nhau này, nên giả gọi “là” Phật mà thôi.”

Lại giải thích:” Chấp Phật là bốn quan điểm, tức là mâu thuẫn với Phật. Nay, vì phá bốn quan điểm này, nên giả gọi là Phật.

“Tư duy chánh quán như thế ... trở xuống, là sinh ra kệ thứ hai. Sở

đã có kệ thứ hai này gồm có ba ý:

Vì giải thích nghĩa “không thể nói” ở trước, bởi lẽ Phật là tướng vắng lặng, nên không thể nói Phật là bốn quan điểm “không”, “hữu”. Nếu nói Phật là bốn quan điểm “không”, “hữu”, thì đây cũng là mười bốn vấn nạn chấp bên thường v.v... của thế gian mà thôi.

Đây là nêu lên so sánh. Nhưng chấp bốn quan điểm như bên thường v.v... này đã là tà kiến, thì biết bốn chấp “không”; “hữu” v.v... cũng là tà kiến.

Trên đã phá bốn quan điểm như chấp “không” v.v... là Phật, nay, sẽ phá tám quan điểm như chấp “thường” v.v... là Phật.

Người Tiểu thừa nói:” Phật nhất định là vô thường.”

Đại thừa nói:” Đức Phật là thường trụ, Bản tích hợp luận cũng thường, vô thường. Nếu dùng Trung đạo làm Phật thì chẳng phải thường, vô thường.

Bốn quan điểm trên, luận về thân Phật. Bốn quan điểm tiếp theo, nói về tuổi thọ của Phật. Tiểu thừa nói:” Phật là vô thường, cùng tận ở 1 thời kỳ, gọi là hữu biên.” Người Đại thừa nói:” Phật thường trụ gọi là vô biên, “bản tích” hợp luận cũng biên, vô biên. Chấp Trung đạo là tuổi thọ của Phật, chẳng phải biên, vô biên.”

Nhiếp luận chép rằng:” Chân như đầy khắp trong tất cả pháp là vô biên, pháp khác là hữu biên, nay đều phá hết.”

Hỏi:” Văn xuôi nói về bên thường. Đã là hai đời, vì sao không nói bốn kiến hện tại?”

Đáp:” Bốn thứ như “không”, “hữu” v.v... ở trên tức là hiện tại.”

Hỏi:” Nếu phá như thế ... trở xuống, là chương thứ ba, phân biệt Như lai. Trước hỏi, tiếp theo là đáp.

Hỏi:” Nếu bốn quan điểm như “không”, “hữu” đều chẳng phải Phật, thì lẽ ra phải không có Phật?”

Người ngoài nói:” Nếu Phật chẳng phải là “có” của thế đế; thì tức là “không” của chân đế. Nếu Phật không phải thuộc hai đế, thì tức là “chẳng phải có”, “chẳng phải không”, ra ngoài hai đế. Đã phá đủ bốn quan điểm này, lẽ ra sẽ không có Phật, cho nên Long Thọ là tà kiến, xiển đề! Lại, luận về có Phật, không ngoài Phật vô thường của Tiểu thừa và Phật thường trụ của Đại thừa. Nếu “không” Phật của Đại thừa, Tiểu thừa này, thì cũng là tà kiến?”

Hai bài kệ trong phần đáp:

Kệ đầu, là nói Như lai hiện tại, không phải “có”, “không”; Như lai sau diệt độ, cũng chẳng phải “có”, “không”.

Nửa trên của kệ đầu, là phá “không” Phật. Nếu là người đại tà kiến thì mới nói “không” Phật, vì ta không phải là người tà kiến, nên chẳng nói “không” Phật. Lại, trước kia ông đã chấp bốn quan điểm “có” Phật, gọi là chấp “có”. Ta đã tìm bốn quan điểm “có” Phật của ông không được, thì ông lại cho rằng “không” Phật, tức là ông đã rơi vào tà kiến rồi!

Nửa kệ dưới, là nói Như lai “chẳng phải có”. Người ngoài đã nghr người tà kiến chấp “không có Phật”, thì người chánh kiến, lẽ ra nói “có” Phật. Cho nên, nay nói:

“Chấp Phật là “không”, gọi là tà kiến nặng; chấp Phật là “có”, nghĩa là tà kiến nhẹ.”

Trước kia, Văn xuôi giải thích nửa kệ trên, được chia làm hai:

Trước, nói về hai thứ tà kiến;

Cho nên, nếu nói không có Như lai ... trở xuống, là tiếp theo, là giải thích văn kệ. Lại, đầu tiên, là nêu môn chương của hai thứ tà kiến.

Từ câu “phá niềm vui của thế gian “... trở xuống, là giải thích về hai môn chương:

Trước, giải thích về tà kiến thô; “người phá đạo Niết-bàn ... trở xuống, là giải thích về tà kiến tế.

Trong đây, nói tà kiến thô, vì khởi ác, diệt thiện, nên thế gian, xuất thế gian đều có lỗi. Tà kiến tế, khởi thiện, diệt ác, được vui thế gian, mà phá Niết-bàn. Người hành đạo, ngồi thiền, giảng nói, phải thường chú ý văn này:” Chớ làm khổ nhọc chi tiết của thân mà phá vỡ Niết-bàn!” Cho nên, “nếu nói “không” Như lai ... trở xuống, là thứ hai chính giải thích văn nửa trên của bài kệ, nếu nói có Như lai trở xuống là giải thích nửa kệ dưới.

Trong tánh không như thế, phần thứ hai, nói Như lai diệt độ, không phải là “có”, “không”.

Nửa kệ trên, nói thích đáng Như lai là “tánh không”. Tánh không, nghĩa là thể tánh rất ráo thanh tịnh. Về mặt không gian, dứt vạn phi; về thời gian, siêu việt bốn quan điểm. Vì thế, nên không thể tư duy “có”, “không”. Phẩm Ba-nhã thật tế nói:” Mé trước cũng “tánh không”; mé giữa cũng “tánh không”; mé sau cũng “tánh không”. Thường “tánh không”, chẳng có lúc nào không là “tánh không”, nên Như lai khi còn ở đời và sau diệt độ, thường rất ráo thanh tịnh, sao ông đối với “tánh không”, lại tư duy Phật là “có”, “không” ư? Nên nói “tư duy thì không thể”. Lại, tánh các pháp thường trong ngoài đều thâm hợp, duyên quán đều vắng lặng, cũng không chấp nhận sự tư duy, hướng chi là khởi lên

các kiến chấp “có”, “không”, nên nói:” tư duy thì không thể.”

Lại, kệ này là nêu gốc, so sánh với ngọn: Phật xưa nay dứt bốn quan điểm, huống chi là bốn quan điểm sau diệt độ, cho nên không thể tạo ra tư duy bốn quan điểm.”

Hỏi:” Nay, phẩm này chính là nói về pháp thân của Như lai, vì sao lại nói tánh không ư?

Đáp:” kinh Đại Phẩm nói:” Tánh không, gọi là đạo của Chư Phật, nên biết là tên khác của pháp thân, cũng gọi thật tướng vắng lặng, và pháp thân.”

Hỏi:” Nay vì sao nói không tánh ư?

Đáp:” Kể mê “hoặc” nghe trên đây phá, cho rằng, đã trừ hết, mà sau cùng “có” Như lai, cho nên nay nói rằng:” Như lai trên đây, rốt ráo thanh tịnh, nên gọi là tánh không.”

* Hỏi:”Phẩm hai đời “có”, “không” của Luận Thành Thật nói:”Như lai ở đời không thân nhiếp “có”, “không”, có khác gì với hiện nay chăng?”

Đáp:” Sinh “không” pháp không có hai thứ:

Hai “không” của Tiểu thừa.

Hai “không” của Đại thừa.

Không thuộc “có”, “không”, cũng có hai thứ:

Không thuộc bốn quan điểm của Tiểu thừa.

Không thuộc “có”, “không” của Đại thừa, tức dùng hai nghĩa này để phá nghĩa của Khai thiện:” Phật không thuộc về “có”, “không”, thì đâu được nói là thuộc về hai đế ư?”

Người kia đáp:” Chẳng phải là cái “có” của tự tánh; chẳng phải là cái “không” của số diệt, vì “có”, “không” này chẳng thuộc về Phật.” Nay nói:” Bởi vì dùng nghĩa để phê phán văn, chứ không phải căn cứ văn để giải thích nghĩa.”

Hỏi:” Nếu vậy thì luận Trang Nghiêm nói:” Phật không thuộc về “có”, “không”, có khác gì với văn hiện nay chăng?”

Đáp:” Trên đã phá chẳng phải “có”, “không” rồi, không nên lại hỏi nữa!

Lại, luận Trí Độ nói:” chẳng phải “có”, “không”, gọi là ngu si luận, há lấy ngu si làm Phật ư?”

Kinh Đại Phẩm nói:” Phật và đệ tử đều biết ngoài pháp tánh, không còn có pháp nào khác. Nếu Phật vượt ngoài chân đế, thì người như thế không phải là đối với Phật, cũng không phải là đệ tử, bởi do tâm tưởng giả dối tạo ra cách giải thích này.

Hơn nữa, khi kinh Lăng-già và luận này đồng nói về pháp giới; Pháp tánh, Như, thật tế là tên khác của Niết-bàn, sao lại nói Phật ra ngoài Niết-bàn, Phật ra ngoài chân đế ư?

Nửa bài kệ dưới, chính là quả người ngoài:” Sau khi Như lai diệt độ, phân biệt “có”, “không”.”

Hỏi:” Vì sao kẻ mê “hoặc” lại phân biệt “có”, “không” sau Như lai diệt độ?”

Đáp:” Vì chúng sinh thấy Phật diệt độ, không có Phật nữa, nên sinh ra nhiều thứ tìm kiếm, bài bác người Tiểu thừa rằng:” Phật đã nguôi thân, bật trí, đồng với hư không, cho nên “không có Phật”.

Người Đại thừa nói:” Pháp thân thường trú, cho nên có Phật.”

Đầu tiên, cũng là nghĩa của Thượng Toạ bộ. Về sau, Tăng-kỳ lập ra Như lai quá hí luận, tại chương thứ tư, phẩm hạ, quả trách người ngoài rằng:” Nếu nói Phật thuộc về hai đế, hoặc ra ngoài hai đế, nhưng lối nói như thế đều là hí luận.”

Tiếp nối với sinh trên, nghĩa là trước đã nói Như lai ở đời, kể cả sau khi diệt độ đều chẳng phải “có”, “không”, kẻ mê lầm, hí luận, chấp là Như lai “có”, “không”.

Nửa kệ dưới, chỉ ra lỗi của “có”, “không”: Đại sư Hưng Hoàng nói:” Chấp Như lai quyết định là “có”, “không”, là thường, vô thường, chính là phá pháp thân, còn hơn năm tội nghịch.”

Văn xuôi rằng:” Ở phần dưới, trong phẩm Như lai này, đã sinh khỏi chương thứ năm, chỉ bày tướng Như lai kia mà nói là đầu, giữa, sau, nghĩa là ở đầu phẩm, phá “hữu” là Như lai; giữa phẩm, phá bốn quan điểm như “không” v.v... là Như lai; phần sau, phân biệt Như lai chẳng phải đều là “không”, cũng chẳng nhất định “có”, tức là kết ba chương trên; đoạn thứ tư, chỉ là quả trách. Vì không phải là phá riêng, nên không kết thúc.

Kệ được chia làm hai:

Nửa kệ trên, là biểu thị Như lai tánh.

Nửa kệ dưới, là giải thích nửa kệ trên.

Giải thích tánh Như lai đồng với tánh thế gian. Sở dĩ lập ra thuyết này vì gồm có ba nghĩa:

Phẩm ngoại nhân, đầu tiên, là nêu chứng xuất thế, có thế gian. Nay, Luận chủ nêu thế gian, để so sánh với xuất thế; tìm xét bốn quan điểm “có”, “không” của thế gian đã không thể được. Khi xuất thế Như lai cũng đã so sánh như vậy.

Người ngoài nghe phá bốn quan điểm “có”, “không” ở trên, đều

không phải Phật, bèn cho rằng Phật ra ngoài bốn quan điểm, ở ngoài “trăm phi”. Cho nên, nay nói

Tánh Như lai, tức là tánh thế gian. Không phải chỉ có Phật ra ngoài bốn quan điểm, vượt hơn “trăm phi”, mà thế gian cũng thế, nên Tịnh Danh nói:” Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế.”

Từ chương thứ tư, phát sinh quả trách:” Kệ trước đã nói rằng:”Như lai vượt quá hí luận, người ngoài bèn cho rằng, hí luận tự nó là thế gian; còn Như lai lại là xuất thế, thì khởi kiến khác thế gian, xuất thế gian. Do đó, nay nói: “Tánh của Như lai, tức là tánh của thế gian, không phải chỉ Như lai vượt ngoài bốn quan điểm, mà tức bốn quan điểm này trên đây không là bốn, “tức” là Như lai. Cho nên kinh nói rằng:”Tham dục “túc” là đạo, giận dữ, si mê cũng giống như vậy.”

Nửa kệ dưới, giải thích nửa kệ trên, nói Như lai và thế gian đồng dứt bốn quan điểm, nên hai tánh không có tánh riêng, không có tánh riêng, nghĩa là thế vậy.
